

Số: /QĐ-UBND

Long An, ngày tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 22 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 1989/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục lưu vực sông liên tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 341/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Danh mục lưu vực sông nội tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1757/QĐ-BTNMT ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Danh mục nguồn nước liên tỉnh và danh mục nguồn nước liên quốc gia (nguồn nước mặt);

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BTNMT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh quy định phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục phân cấp quản lý công trình thủy lợi, đề điều trên địa bàn tỉnh Long An;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4349/TTr-STNMT ngày 17 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Long An gồm: **71 sông, kênh, rạch** phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước

và **12 ao, hồ, nguồn nước** trong khu bảo tồn trên địa bàn tỉnh (*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tổ chức công bố Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Long An trên cổng thông tin điện tử của tỉnh; thông báo tới UBND các huyện, thị xã, thành phố để niêm yết công khai tại trụ sở UBND các xã, phường, thị trấn nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

b) Hằng năm, căn cứ vào Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn và xây dựng phương án, kinh phí cấm mốc chi tiết sau khi UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch.

c) Đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh. Định kỳ năm (05) năm tiến hành rà soát, điều chỉnh danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

d) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tổ chức chỉ đạo việc cấm mốc, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước thuộc hệ thống công trình thủy lợi theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BTNMT ngày 30/01/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

3. Sở Xây dựng

Theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao tham mưu UBND tỉnh không cấp phép xây dựng mới hoặc mở rộng quy mô các bệnh viện, cơ sở y tế điều trị bệnh truyền nhiễm, nghĩa trang trong hành lang bảo vệ nguồn nước; Phối hợp với các sở, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan giám sát hoạt động xây dựng kho bãi, bến cảng, cầu, phà, đường giao thông, các công trình ngầm và công trình kết cấu hạ tầng khác trong phạm vi bảo vệ hành lang nguồn nước.

4. Sở Giao thông vận tải

Theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao tổ chức thực hiện quản lý cầu, phương tiện giao thông đường thủy nội địa đáp ứng được các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước.

5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện và các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước hàng năm từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương hỗ trợ và nguồn thu từ tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

theo quy định.

6. Các sở, ngành tỉnh có liên quan

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện biện pháp quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; cung cấp các thông tin liên quan đến các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về quy định quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; chịu trách nhiệm khi để xảy ra việc lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

b) Chỉ đạo UBND cấp xã trong việc quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

c) Chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức thực hiện việc cắm mốc giới trên thực địa theo phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đã được phê duyệt; bàn giao mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước cho UBND cấp xã để quản lý, bảo vệ.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc rà soát, điều chỉnh Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn.

đ) Hằng năm, căn cứ vào Danh mục của các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng Kế hoạch cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt.

e) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở đô thị, khu dân cư tập trung và các nguồn nước khác trên địa bàn và phối hợp thực hiện việc cắm mốc giới trên thực địa sau khi phương án được phê duyệt.

g) Tuyên truyền, phổ biến về quy định quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

8. UBND xã, phường, thị trấn

a) Tổ chức thực hiện việc cắm mốc giới trên thực địa theo phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đã được phê duyệt.

b) Quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn; chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn quản lý.

c) Tuyên truyền, phổ biến về quy định quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

9. Tổ chức, cá nhân có liên quan

Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước phải bảo đảm các yêu cầu:

a) Không được gây sạt, lở bờ sông, kênh, rạch, hồ chứa hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến sự ổn định, an toàn của sông, kênh, rạch, hồ chứa.

b) Không làm ảnh hưởng đến các chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

c) Không gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan, môi trường sinh thái trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước.

d) Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường hợp có văn bản pháp luật mới quy định thay thế hoặc bổ sung các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến hành lang bảo vệ nguồn nước thì tuân thủ việc áp dụng theo các quy định mới tính từ ngày văn bản mới có hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT.TU; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP. UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng: KTTC;
- Lưu: VT, Luan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Lâm

Phụ lục I: DANH MỤC NGUỒN NƯỚC PHẢI LẬP HÀNH LANG BẢO VỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN ĐỐI VỚI CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH THUỘC DANH MỤC NGUỒN NƯỚC DO BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BAN HÀNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Long An)

TT	Tên nguồn nước	Điểm đầu			Điểm cuối			Chiều dài (km)	Năng lực tưới (ha)	Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước (*)	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Cấm mốc	Kế hoạch cấm mốc		Ghi chú đối với phạm vi hành lang
		Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Phường/xã/ thị trấn	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Phường/xã/ thị trấn				Bờ phải	Bờ trái		Giai đoạn 2025-2029	Giai đoạn 2030-2034	
		X	Y		X	Y										
I	Vĩnh Hưng															
1	Sông Vàm Cỏ Tây	1211502	504616	Thái Trị	1195744	514262	Tuyên Bình	44,85		a,b	15-20	15-20	Không			- Đoạn từ xã Thái Trị giáp xã Vĩnh Thuận: 15m - Đoạn từ xã Vĩnh Thuận đến hết xã Tuyên Bình: 20m
2	Rạch Long Khốt	1219985	502868	Hung Điền A	1200185	510018	Tuyên Bình	28	5.784	a	25	25	(**)			Trùng với HTCTTL
3	Sông Cái Cỏ	1219985	502868	Hung Điền A	1214117	487019	Khánh Hưng	17,6	9.710	a	25	-	(**)			Trùng với HTCTTL
4	Kênh Hữu Nghị	1206214	511718	Thái Bình Trung	1205683	511328	Thái Bình Trung	1	200	a	5	5	(**)			Trùng với HTCTTL
5	Rạch Chanh (tên khác: kênh Rọc Chanh)	1201995	510749	Thái Bình Trung	1200393	510077	Tuyên Bình	2	60	a	3	3	(**)			Trùng với HTCTTL
6	Rạch Me Cồn (tên khác: Rạch Ô Mê Cồn)	1210383	508620	Thái Bình Trung	1209148	507471	Thái Bình Trung	2	340	a	5	5	(**)			Trùng với HTCTTL
II	Huyện Tân Hưng															
1	Sông Vàm Cỏ Tây	1197932	499123	Vĩnh Lợi	1194779	504036	Vĩnh Đại	6,9		a,b	20	-	Không			

	Tên nguồn	Điểm đầu			Điểm cuối			Chiều	Năng lực (ha)	Chức hành lang bảo nguồn nước (*)	Phạm vi bảo vệ nguồn nước (m)		Cấm	cấm mốc		Ghi chú đối với hành lang
		Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45' múi 3°		Đường/điểm/ tọa độ	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45' múi 3°		Đường/điểm/ tọa độ				Bờ phải	Bờ trái		Giai đoạn 2025- 2029	Giai đoạn 2030- 2034	
		X	Y		X	Y										
2	Kênh Trung Ương	1198570	498844	Vĩnh Thạnh	1197729	483042	Vĩnh Châu B	16		a	10	10	Đoạn qua TT. Tân Hưng		2033- 2034	
3	Kênh Dương Văn Dương	1178156	506228	Vĩnh Bửu	1178736	503147	Vĩnh Bửu	3,1		a	10	-	Không			
4	Sông Cái Cò	1214096	486993	Hung Hà	1211081	472659	Hung Điền	15,2	9.710	a	25	-	(**)			Trùng với HTCTTL
5	Kênh Sông Trăng	1213492	484837	Hung Hà	1201478	497487	Thanh Hưng	19	5.400	a	25	25	(**)			Trùng với HTCTTL
6	Kênh 79	1186229	507209	Vĩnh Đại	1211178	476713	Hung Điền	37	20.477	a	25	25	(**)			Trùng với HTCTTL
6	Kênh Phước Xuyên	1197729	483042	Vĩnh Châu B	1178736	503147	Vĩnh Bửu	28	1.000	a	15	-	(**)			Trùng với HTCTTL
7	Kênh Tân Thành Lò Gạch	1207967	490662	Hung Hà	1205949	478518	Hung Điền	12,3	8.452	a,b	25	25	(**)			Trùng với HTCTTL
9	Kênh An Long (tên gọi khác: Kênh Cả Môn)	1198432	498915	Vĩnh Thạnh	1192420	488678	Vĩnh Châu B	12	3.000	a	20	20	(**)			Trùng với HTCTTL
10	Rạch Giàng Nhỏ	1200485	483508	Hung Thạnh	1201648	486909	Hung Thạnh	3,7	900	a	10	10	(**)			Trùng với HTCTTL
III	Thị xã Kiến Tường															
1	Sông Vàm Cỏ Tây	1196781	513540	Bình Tân	1188010	523795	Phường 1	14,41		a,b	20	20	Đoạn qua Phường 1, 2, 3		2030- 2032	
2	Rạch Rô	1207294	521043	Thanh Trị	1192436	519656	Bình Hiệp	19	1.500	a	15	15	(**)			Trùng với HTCTTL
3	Kênh 79	1184502	516319	Thanh Hưng	1186269	507220	Thanh Hưng	9,2	20.477	a	25	25	(**)			Trùng với HTCTTL
IV	Huyện Mộc Hóa															
1	Sông Vàm Cỏ Tây	1192347	519634	Bình Hòa Tây	1184689	536785	Thị trấn Bình Phong Thạnh	19,74		a,b	20	20	Đoạn qua TT.		2030- 2032	

	Tên nguồn	Điểm đầu			Điểm cuối			Chiều	Năng lực (ha)	Chức hành lang bảo nguồn nước (*)	Phạm vi bảo vệ nguồn nước (m)		Cấm	cấm mốc		Ghi chú đối với hành lang
		Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Đường/điểm/ tọa độ	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Đường/điểm/ tọa độ				Bờ phải	Bờ trái		Giai đoạn 2025- 2029	Giai đoạn 2030- 2034	
		X	Y		X	Y										
													Bình Phong Thạnh			
2	Kênh 12	1178628	529811	Tân Thành	1184734	526440	Tân Thành	7	2.350	a	20	20	(**)			Trùng với HTCTTL
3	Rạch Rô	1192433	519700	Bình Hoà Tây	1193438	519914	Bình Hoà Tây	1	1.500	a	15	15	(**)			Trùng với HTCTTL
4	Kênh 79	1182054	531971	Tân Thành	1183798	519776	Tân Lập	12,3	20.477	a	25	25	(**)			Trùng với HTCTTL
V	Huyện Tân Thạnh															
1	Kênh Dương Văn Dương	1174840	536746	Kiến Bình	1178124	506177	Hậu Thạnh Tây	31,3		a	10	10	Đoạn qua TT. Tân Thạnh		2033- 2034	
2	Kênh 12	1163830	536369	Tân Hòa	1178628	529811	Kiến Bình	16,3	2.350	a	20	20	(**)			Trùng với HTCTTL
3	Kênh Hai Hạc	1165433	517325	Tân Thành	1163704	538398	Tân Hòa	21,1	20.500	a	-	25	(**)			Trùng với HTCTTL
4	Kênh Bùi Mới	1165433	517325	Tân Thành	1175794	518684	Nhon Hòa Lập	10,4	1.100	a	15	15	(**)			Trùng với HTCTTL
5	Kênh Bằng Lăng	1165201	520789	Tân Ninh	1175274	521350	Tân Lập	10,2	870	a	10	10	(**)			Trùng với HTCTTL
6	Kênh Phụng Thới	1165009	523593	Nhon Ninh	1174441	525607	Nhon Hòa	9,7	1.050	a	15	15	(**)			Trùng với HTCTTL
7	Kênh Cà Nhíp	1164758	527326	Tân Hòa	1173317	531638	TT. Tân Thạnh	9,6	700	a	10	10	(**)			Trùng với HTCTTL
8	Kênh Bào Môn	1176475	509054	Hậu Thạnh Tây	1177546	509252	Hậu Thạnh Tây	1,1	800	a	10	10	(**)			Trùng với HTCTTL
9	Kênh 1	1163704	538398	Tân Hòa	1169557	538251	Tân Hòa	5,8	320	a	-	5	(**)			Trùng với HTCTTL
10	Kênh Bắc Đông	1172305	537169	Tân Bình	1173145	532685	TT. Tân Thạnh	4,5	1.175	a	15	15	(**)			Trùng với HTCTTL
11	Kênh Trung Ưông	1170203	513669	Tân Thành	1167468	534883	Tân Hòa	21	8.480	a	25	25	(**)			Trùng với HTCTTL

	Tên nguồn	Điểm đầu			Điểm cuối			Chiều	Năng lực (ha)	Chức hành lang bảo nguồn nước (*)	Phạm vi bảo vệ nguồn nước (m)		Cấm	cấm mốc		Ghi chú đối với hành lang
		Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Đường/điểm ưu tiên	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Đường/điểm ưu tiên				Bờ phải	Bờ trái		Giai đoạn 2025- 2029	Giai đoạn 2030- 2034	
		X	Y		X	Y										
12	Kênh 79	1184502	516319	Bắc Hòa	1183798	519776	Bắc Hòa	3,5	20.477	a	25	25	(**)			Trùng với HTCTTL
VI	Thạnh Hoá															
1	Sông Vàm Cỏ Tây	1184689	536785	Thạnh Phước	1172304	563743	Tân Đông	27		a,b	20	20	Đoạn qua TT. Thạnh Hóa		2030- 2032	
2	Kênh Dương Vân Dương	1174840	536746	Thủy Tây	1178920	547076	TT. Thạnh Hóa	11		a	10	10	Đoạn qua TT. Thạnh Hóa		2033- 2034	
3	Kênh Bắc Đông	1172305	537169	Thạnh An	1170399	563441	Tân Đông	11,9	1.175	a	15	15	(**)			Trùng với HTCTTL
4	Kênh Trung Ưông	1169517	537024	Thạnh An	1170102	548791	Thạnh An	11,8	8.480	a	25	25	(**)			Trùng với HTCTTL
5	Kênh Nhon Xuyên	1188249	553456	Thuận Bình	1178920	547076	Thuận Nghĩa Hòa	11,1	1.100	a	15	15	(**)			Trùng với HTCTTL
6	Kênh 79	1182054	531971	Thạnh Phước	1181823	535515	Thạnh Phước	3,5	20.477	a	25	25	(**)			Trùng với HTCTTL
VII	Huyện Đức Huệ															
1	Vàm Cỏ Đông	1214449	556906	Mỹ Quý Đông	1194056	570052	Bình Hòa Nam	32,6		a,b	15- 20	-	- Đoạn sạt lở tại xã Bình Hòa Nam - Đoạn qua TT. Đông Thành	2025 đoạn sạt lở tại xã Bình Hòa Nam	2030- 2032 đoạn qua TT. Đông Thành	- Đoạn qua thị trần Đông Thành: 20m - Đoạn qua các xã Mỹ Quý Đông, Mỹ Thạnh Bắc, Mỹ Thạnh Đông, Bình Hòa

	Tên nguồn	Điểm đầu			Điểm cuối			Chiều	Năng lực (ha)	Chức hành lang bảo nguồn nước (*)	Phạm vi bảo vệ nguồn nước (m)		Cấm	cấm mốc		Ghi chú đối với hành lang
		Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Đường/điểm/ tọa độ	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Đường/điểm/ tọa độ				Bờ phải	Bờ trái		Giai đoạn 2025- 2029	Giai đoạn 2030- 2034	
		X	Y		X	Y										
																Bắc, Bình Hòa Nam: 15m
2	Rạch Tràm	1197738	550664	Mỹ Bình	1210929	548504	Mỹ Quý Tây	13,8	25.000	a	25	25	(**)			Trùng với HTCTTL
		1210953	548467	Mỹ Quý Đông	1214449	556906	Mỹ Quý Đông	11	25.000	a,b	25	25	(**)			Trùng với HTCTTL
VIII	Huyện Đức Hòa															
1	Vàm Cỏ Đông	1218864	557062	Lộc Giang	1192400	573451	Hựu Thạnh	44,8		a,b	15- 20	-	Đoạn qua TT. Hiệp Hòa		2030- 2032	- Đoạn qua các xã An Ninh Tây, Tân Phú, Hòa Khánh Tây, Hòa Khánh Nam, Hựu Thạnh: 15m - Đoạn qua thị trần Hiệp Hòa, xã Lộc Giang: 20m
2	Kênh An Hạ	1193416	574135	Hựu Thạnh	1193221	582320	Đức Hòa Hạ	8,26	400	a	5	5	(**)			Trùng với HTCTTL
3	Kênh Xáng Thầy Cai (tên gọi khác: Rạch Tra)	1216396	565481	Tân Mỹ	1207757	581333	Mỹ Hạnh Bắc	19,42	1.200	a,b	15	-	(**)			Trùng với HTCTTL
4	Kênh Ranh	1207405	582183	Mỹ Hạnh Bắc	1193221	582320	Đức Hòa Hạ	16,7	600	a	10	-	(**)			Trùng với HTCTTL

	Tên nguồn	Điểm đầu			Điểm cuối			Chiều	Năng lực (ha)	Chức hành lang bảo nguồn nước (*)	Phạm vi bảo vệ nguồn nước (m)		Cấm	cấm mốc		Ghi chú đối với hành lang
		Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Đường/điểm ưu tiên	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Đường/điểm ưu tiên				Bờ phải	Bờ trái		Giai đoạn 2025- 2029	Giai đoạn 2030- 2034	
		X	Y		X	Y										
5	Kênh Mới	1219193	561422	Lộc Giang	1217705	564332	Lộc Giang	4,3	750	a	10	-	(**)			Trùng với HTCTTL
6	Kênh Ngang	1189123	577193	Hựu Thạnh	1193151	582266	Hựu Thạnh	5,6	600	a	10	-	(**)			Trùng với HTCTTL
7	Kênh Xáng Lớn	1188389	578787	Hựu Thạnh	1187896	578138	Hựu Thạnh	0,85	2.000	a	20	20	(**)			Trùng với HTCTTL
8	Rạch Ba Manh	1219222	558515	Lộc Giang	1217346	557814	Lộc Giang	2,6	75	a	3	3	(**)			Trùng với HTCTTL
9	Kênh Bà Bửu	1191208	576558	Hựu Thạnh	1188426	578746	Hựu Thạnh	2	47	a	3	3	(**)			Trùng với HTCTTL
IX	Huyện Thủ Thừa															
1	Vàm Cỏ Tây	1181569	552418	Long Thạnh	1167987	567503	Mỹ Phú	35,9		a,b	20	20	Đoạn sạt lở tại xã Mỹ Thạnh	2025		
2	Kênh Thủ Thừa	1170952	567994	Bình An	1175754	574489	Tân Thành	8,3		a	10	10	Không			
3	Kênh Tháp Mười (tên gọi khác: Rạch Chanh)	1166051	565032	Mỹ Phú	1167887	567425	Mỹ Phú	2,8	1.500	a,b	-	15	(**)			Trùng với HTCTTL
4	Kênh Bắc Đông	1170823	558460	Mỹ An	1170399	563441	Mỹ An	5,2	1.175	a	15	15	(**)			Trùng với HTCTTL
5	Rạch Láng Cát	1170823	558460	Mỹ An	1168456	561139	Mỹ An	3,5	700	a	700	10	(**)			Trùng với HTCTTL
6	Sông Nhựt Tảo	1172778	571248	TT. Thủ Thừa	1169549	576001	Nhị Thành	6,9	800	a	10	10	(**)			Trùng với HTCTTL
7	Sông Cũ (thuộc Kênh Tràm Tróc)	1166340	564392	Mỹ Phú	1166051	565032	Mỹ Phú	0,8	439	a	-	5	(**)			Trùng với HTCTTL
8	Kênh Tràm Tróc (tên khác: Kênh Tràm Tróc)	1168465	561142	Mỹ An	1166051	565032	Mỹ Phú	5,7	439	a	-	5	(**)			Trùng với HTCTTL

	Tên nguồn	Điểm đầu			Điểm cuối			Chiều	Năng lực (ha)	Chức hành lang bảo nguồn nước (*)	Phạm vi bảo vệ nguồn nước (m)		Cấm	cấm mốc		Ghi chú đối với hành lang
		Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Đường/điểm/ tọa độ	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Đường/điểm/ tọa độ				Bờ phải	Bờ trái		Giai đoạn 2025- 2029	Giai đoạn 2030- 2034	
		X	Y		X	Y										
X	Thành phố Tân An															
1	Vàm Cỏ Tây	1169548	569154	Hướng Thọ Phủ	1164537	577094	Nhon Thanh Trung	15,47		a,b	20	20	Toàn tuyến	2026- 2028: đoạn từ sau kênh Bảo Định đến hết xã Nhon Thanh Trung	2030- 2032: đoạn từ xã Hướng Thọ Phủ đến trước khi kênh Bảo Định đổ vào	
2	Kênh Bảo Định	1158655	569784	Phường Tân Khánh	1165848	572352	Phường 1	8,11	1.400	a	15	15	(**)			Trùng với HTCTTL
3	Rạch Cần Đốt	1161004	567547	Phường Khánh Hậu	1166538	568918	Phường 6	7,2	496	a	5	5	(**)			Trùng với HTCTTL
4	Phân lưu số 2 (tên khác: kênh Xáng)	567264	1162459	Phường Khánh Hậu	567315	1164285	Lợi Bình Nhon	1,9	50	a	3	3	(**)			Trùng với HTCTTL
5	Kênh Tháp Mười (tên gọi khác: Rạch Chanh)	1166170	565289	Lợi Bình Nhon	1167791	567425	Lợi Bình Nhon	2,8	1.500	a,b	15	-	(**)			Trùng với HTCTTL
6	Rạch Góc	1164330	565628	Lợi Bình Nhon	1166170	565289	Lợi Bình Nhon	2,4	1.500	a	-	15	(**)			Trùng với HTCTTL
7	Rạch Ông Đạo (tên khác: Rạch Tân Hương)	1159900	567762	Phường Tân Khánh	1158655	569784	Phường Tân Khánh	2,8	50	a	-	3	(**)			Trùng với HTCTTL
8	Phân lưu số 1 (thuộc Rạch Cần Đốt)	1163605	566439	Lợi Bình Nhon	1164648	568514	Lợi Bình Nhon	2,9	496	a	-	5	(**)			Trùng với HTCTTL

	Tên nguồn	Điểm đầu			Điểm cuối			Chiều	Năng lực (ha)	Chức hành lang bảo nguồn nước (*)	Phạm vi bảo vệ nguồn nước (m)		Cấm	cấm mốc		Ghi chú đối với hành lang
		Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45' múi 3°		Đường/chiều/ tuyến	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45' múi 3°		Đường/chiều/ tuyến				Bờ phải	Bờ trái		Giai đoạn 2025- 2029	Giai đoạn 2030- 2034	
		X	Y		X	Y										
XI	Huyện Bến Lức															
1	Vàm Cỏ Đông	1194056	570052	Thanh Lợi	1172007	580039	Nhật Chánh	37,72		a,b	15	15-20	- Đoạn sạt lở tại xã Bình Đức, Thanh Đức - Đoạn qua TT.Bến Lức	- Năm 2025: đoạn sạt lở tại xã Bình Đức, Thanh Đức. - Từ 2026- 2028: đoạn qua TT. Bến Lức		Đoạn qua xã Lương Bình, Lương Hòa: 15m - Đoạn qua xã An Thạnh và Thị trấn Bến Lức: 20m
2	Sông Bến Lức	1181947	587004	Tân Bửu	1176770	579170	Thị trấn Bến Lức	11,35		a,b	20	20	- Đoạn sạt lở tại xã An Thạnh, Thanh Phú - Đoạn qua TT.Bến Lức	- Năm 2025: đoạn sạt lở tại xã An Thạnh, Thanh Phú. - Từ 2026 - 2028: đoạn qua TT. Bến Lức		

	Tên nguồn	Điểm đầu			Điểm cuối			Chiều	Năng lực (ha)	Chức hành lang bảo vệ nguồn nước (*)	Phạm vi bảo vệ nguồn nước (m)		Cấm	cấm mốc		Ghi chú đối với hành lang
		Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Đường/điểm/ tọa độ	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Đường/điểm/ tọa độ				Bờ phải	Bờ trái		Giai đoạn 2025- 2029	Giai đoạn 2030- 2034	
		X	Y		X	Y										
3	Kênh Thủ Thừa	1175754	574489	Thạnh Đức	1177144	575401	Thạnh Đức	1,6		a	10	10	Không			
4	Rạch Cầu Tràm (tên gọi khác: Rạch Chanh - Trị Yên)	1175295	588176	Phước Lợi	1180062	580987	Thạnh Phú	11,72	7.950	a	25	25	(**)			Trùng với HTCTTL
5	Kênh Xáng Lớn	1188485	578949	Lương Hòa	1186110	574478	Lương Hòa	5,2	2.000	a	20	20	(**)			Trùng với HTCTTL
6	Rạch Ông Thoàn	1179330	587472	Mỹ Yên	1181950	587002	Thanh Phú	5,5	45	a	3	3	(**)			Trùng với HTCTTL
7	Kênh Thầy Thuốc	1184162	581062	Tân Hòa	1185975	584031	Tân Hòa	3,4	60	a	3	3	(**)			Trùng với HTCTTL
8	Kênh Ranh	1185280	585110	Tân Bửu	1181854	585728	Tân Bửu	3,8	80	a	-	3	(**)			Trùng với HTCTTL
9	Kênh Độc Lập	1185582	579106	Tân Hoà	1186847	580669	Tân Hoà	2	50	a	3	3	(**)			Trùng với HTCTTL
10	Kênh Đồi	1185535	581356	Tân Hoà	1186316	581997	Tân Hoà	1,1	40	a	3	3	(**)			Trùng với HTCTTL
XII	Huyện Tân Trụ															
1	Vàm Cỏ Tây	1164537	577094	Bình Lãng	1161709	588078	Nhựt Ninh	29		a,b	-	15-20	Đoạn qua TT. Tân Trụ	2026- 2028		- Đoạn qua xã Đức Tân, Nhựt Ninh: 15m - Đoạn qua xã Bình Lãng, Bình Tịnh, thị trấn Tân Trụ: 20m
2	Vàm Cỏ Đông	1172007	580039	Tân Bình	1161709	588078	Nhựt Ninh	17		a,b	15	-	Không			

	Tên nguồn	Điểm đầu			Điểm cuối			Chiều	Năng lực (ha)	Chức hành lang bảo vệ nguồn nước (*)	Phạm vi bảo vệ nguồn nước (m)		Cấm	cấm mốc		Ghi chú đối với hành lang
		Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Đường/điểm uy tiên	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Đường/điểm uy tiên				Bờ phải	Bờ trái		Giai đoạn 2025- 2029	Giai đoạn 2030- 2034	
		X	Y		X	Y										
3	Sông Nhứt Tào	1169530	575991	Quê Mỹ Thạnh	1167955	583941	Bình Trinh Đông	13	800	a	10	10	(**)			Trùng với HTCTTL
XIII	Huyện Châu Thành															
1	Vàm Cỏ Tây	1164659	576436	Bình Quới	1161358	588176	Thuận Mỹ	29,75		a,b	15	-	Đoạn sạt lở tại xã Phước Tân Hưng	2025		
2	Sông Vàm Cỏ	1161358	588176	Thuận Mỹ	1154352	591238	Thuận Mỹ	8,24		a	15	-	Không			
3	Sông Trà	1152166	581969	An Lục Long	1154326	591314	Thanh Vĩnh Đông	17	730	a	10	-	(**)			Trùng với HTCTTL
4	Rạch Tầm Vu	1155652	577011	Dương Xuân Hội	1160321	582237	Phú Ngãi Trị	8,9	1.500	a	15	15	(**)			Trùng với HTCTTL
5	Rạch Cỏ Cò	1155652	577011	Hòa Phú	1159985	572533	Hòa Phú	7,4	1.350	a	-	15	(**)			Trùng với HTCTTL
6	Rạch Chàm (tên khác: Kênh Cầu Đồi - Rạch Tràm)	1150216	578453	An Lục Long	1152486	586013	Thanh Vĩnh Đông	12,5	720	a	-	10	(**)			Trùng với HTCTTL
XIV	Huyện Cần Đước															
1	Vàm Cỏ Đông	1173803	580191	Long Định	1161795	588581	Phước Tuy	18,83		a,b	-	15	Đoạn sạt lở tại xã Long Cang	2025		
2	Sông Vàm Cỏ	1161795	588581	Phước Tuy	1162264	607012	Long Hựu Đông	35,38		a,b	-	15	Không			
3	Sông Cần Giуюc	1165674	598130	Tân Lân	1162178	607062	Long Hựu Đông	14,8		a,b	15	-	Không			
4	Sông Dâm Mường (tên gọi khác: sông Cần	1164112	594257	Tân Lân	1157189	596116	Tân Chánh	10		a	5-10	5-10	Đoạn qua thị trấn		2033- 2034	Đoạn qua Thị trấn Cần

	Tên nguồn	Điểm đầu			Điểm cuối			Chiều	Năng lực (ha)	Chức hành lang bảo nguồn nước (*)	Phạm vi bảo vệ nguồn nước (m)		Cấm	cấm mốc		Ghi chú đối với hành lang
		Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Đường/điểm/ tọa độ	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Đường/điểm/ tọa độ				Bờ phải	Bờ trái		Giai đoạn 2025- 2029	Giai đoạn 2030- 2034	
		X	Y		X	Y										
	Đước)												Cấm Đước			Đước: 10m Đoạn qua xã Tân Ân, Tân Lân, Phước Đông, Tân Chánh: 5m
5	Rạch Cầu Trám (tên gọi khác: Rạch Chanh - Trị Yên)	1175314	588151	Long Khê	1175942	592305	Long Trạch	6,1	7.950	a	-	25	(**)			Trùng với HTCTTL
XV	Huyện Cần Giuộc															
1	Sông Cần Giuộc	1176958	600761	Thị trấn Cần Giuộc	1162264	607012	Tân Tập	25,87		a,b	15- 20	-	- Đoạn qua TT. Cần Giuộc - Đoạn sạt lở tại các xã: Phước Lại, Tân Tập, Phước Vĩnh Tây, Đông Thạnh, Long An	2025: Đoạn sạt lở tại các xã: Phước Lại, Tân Tập, Phước Vĩnh Tây, Đông Thạnh, Long An	2030- 2032 Đoạn qua TT. Cần Giuộc	- Đoạn qua các xã: Long Hậu, Long An, Phước Lại, Phước Vĩnh Tây, Đông Thạnh, Tân Tập: 15m - Đoạn qua thị trấn Cần Giuộc, xã Long Phụng:

	Tên nguồn	Điểm đầu			Điểm cuối			Chiều	Năng lực (ha)	Chức hành lang bảo vệ nguồn nước (*)	Phạm vi bảo vệ nguồn nước (m)		Cấm	cấm mốc		Ghi chú đối với hành lang
		Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Đường/Loại tuyến	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°		Đường/Loại tuyến				Bờ phải	Bờ trái		Giai đoạn 2025-2029	Giai đoạn 2030-2034	
		X	Y		X	Y										
																20m
2	Phụ lưu số 3 (chảy vào sông Kinh)	1176121	607129	Long Hậu	1173474	607324	Long Hậu	4,2	a	10	-	Toàn tuyến		2033-2034		
3	Rạch Cầu Ngang	1176958	599442	TT. Cần Giuộc	1176811	600031	TT. Cần Giuộc	1,4	a	10	-	Toàn tuyến		2033-2034		
4	Sông Đồng Nai	1167134	607747	Tân Tập	1162768	607297	Tân Tập	6,6	a	5	-	Không				
5	Rạch Giồng	1172403	606149	Phước Lại	1175833	601156	Phước Lại	7,4	a	5	5	Không				
6	Rạch Bà Đàng	1172325	606153	Phước Lại	1169559	605196	Phước Lại	3	a	5	5	Không				
7	Sông Đồng An	1169254	600625	Phước Vĩnh Tây	1168160	607595	Phước Vĩnh Đông	10	a	5	5	Không				
8	Rạch Chiên	1167081	603094	Phước Vĩnh Đông	1167199	607751	Phước Vĩnh Đông	7	a	5	5	Không				
9	Sông Kinh	1176121	607129	Long Hậu	1178591	602209	Long Hậu	7,0	a	10	-	Toàn tuyến		2033-2034		
10	Rạch Cầu Tràm (tên gọi khác: Rạch Chanh Trị Yên)	1176618	586440	Phước Lý	1173649	600646	TT. Cần Giuộc	22,4	7.950	a	25	25	(**)			Trùng với HTCTTL
11	Rạch Cầu Đúc (tên khác: rạch Ông Hiếu)	1168469	603442	Phước Vĩnh Tây	1162929	599278	Đông Thạnh	15	2.000	a	20	20	(**)			Trùng với HTCTTL

Ghi chú:

1) Đối với những đoạn sông, kênh, rạch có đất ở của nhà dân, đường giao thông, đê, kè nằm trong phạm vi bảo vệ nguồn nước thì Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước được tính từ mép bờ đến sát với ranh giới sử dụng đất của các hộ dân đã được UBND cấp quyền sử dụng hoặc đến sát hành lang bảo vệ đường giao thông, đê, kè.

2) Đối với những đoạn sông, kênh, rạch trùng với hệ thống công trình thủy lợi thì được lập, quản lý hành lang bảo vệ theo pháp luật về bảo vệ công trình thủy lợi.

Chú thích:

“**HTCTTL**”: Hệ thống công trình thủy lợi

“- ”: Đoạn sông, kênh, rạch phía bờ trái/phải không thuộc phạm vi của huyện/thành phố/thị xã.

(*) Các chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước bao gồm:

a: Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lún chiếm đất ven nguồn nước;

b: Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước.

(): Các đoạn sông, kênh, rạch trùng với HTCTTL được lập, quản lý hành lang bảo vệ theo pháp luật về bảo vệ công trình thủy lợi.**

Phụ lục II: DANH MỤC CÁC AO, HỒ TRONG KHU ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ VÀ NGUỒN NƯỚC TRONG KHU BẢO TỒN PHẢI LẬP HÀNH LANG BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Long An)

TT	Tên nguồn nước	Áp/Khu phố	Phường/xã/ thị trấn	Huyện/TP/TX	Diện tích mặt nước (ha)	Chức năng Hành lang bảo vệ nguồn nước (*)	Phạm vi Hành lang bảo vệ nguồn nước (m)	Cấm mốc	Kế hoạch cấm mốc		Ghi chú
									Giai đoạn 2025-2029	Giai đoạn 2030-2034	
1	Khu bảo tồn đa dạng sinh học được liệt kê trong Danh mục Khu bảo tồn đa dạng sinh học Quốc gia		Bình Phong Thạnh	Mộc Hóa	1.029	a,c,d	30	Không			Diện tích cả khu bảo tồn
2	Khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen		Vĩnh Lợi, Vĩnh Châu A	Tân Hưng	5.030	a,c,d	30	Không			Diện tích cả khu bảo tồn
3	Khu bảo tồn làng nổi Tân Lập		Tân Lập	Mộc Hóa	135,97	a,c,d	30	Không			Diện tích cả khu bảo tồn
4	Ao sáng cụm dân cư 1	Áp 2	Vĩnh Châu B	Tân Hưng	5,5	a	10	Có		2030-2032	
5	Ao sáng cụm dân cư 2	Áp 2	Vĩnh Châu B	Tân Hưng	3,8	a	10	Có		2030-2032	
6	Ao Quan	Khu phố 6	Phường 1	TP. Tân An	1,48	a	10	Không			
7	Ao của trạm xử lý nước mặt ấp 6	Áp 6	Mỹ Quý Tây	Đức Huệ	1,0	a,b	15	Có	2026-2028		
8	Hồ sinh thái	Áp Bình Tây	Mỹ Bình	Đức Huệ	10	a	10	Có		2030-2032	
9	Hồ Công Viên	Khu phố 1	Phường 3	TP. Tân An	1,4	a	10	Không			
10	Hồ Bảo Định	Khu phố Bình Yên Đông 1	Phường 4	TP. Tân An	3,5	a,b	15	Có	2026-2028		
11	Ao công viên 5-9	Khu phố 2	TT. Thạnh Hoá	Thạnh Hóa	2,3	a	10	Có		2030-2032	
12	Hồ tại Khu phố Măng Đa	Khu phố Măng Đa	TT. Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng	1,0	a	10	Có		2030-2032	

Ghi chú:

1) Trường hợp ao, hồ có kế hoạch kè bờ thì không thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ.

2) Đối với những đoạn ao, hồ, nguồn nước trong khu bảo tồn có đất ở của nhà dân, đường giao thông, đê, kè nằm trong phạm vi bảo vệ nguồn nước thì Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước được tính từ mép bờ đến sát với ranh giới sử dụng đất của các hộ dân đã được UBND cấp quyền sử dụng hoặc đến sát hành lang bảo vệ đường giao thông, đê, kè.

Chú thích:

(*) Các chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước bao gồm:

a: Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước;

b: Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước;

c: Bảo vệ, bảo tồn và phát triển hệ sinh thái thủy sinh, các loài động, thực vật tự nhiên ven nguồn nước;

d: Tạo không gian cho các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, bảo tồn và phát triển các giá trị về lịch sử, văn hóa, du lịch, tín ngưỡng liên quan đến nguồn nước.